

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT VỀ NÔNG NGHIỆP, NÔNG DÂN, NÔNG THÔN VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

”

Việt Nam là quốc gia nông nghiệp, với khoảng 68,1% dân số sống ở nông thôn, trong đó đại đa số là nông dân; vì thế, Đảng và Nhà nước ta luôn coi trọng những vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Nghị quyết 26-NQ/TW được Hội nghị Trung ương 7 khóa X thông qua (5-8-2008) là một bước ngoặt, đánh dấu sự phát triển mới trong nhận thức và chỉ đạo thực tiễn của Đảng với nông nghiệp, nông dân, nông thôn thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

◆ PGS, TS ĐỖ THỊ THẠCH

◆ ThS NGUYỄN VĂN QUYẾT

Viện Chủ nghĩa xã hội khoa học

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

1. Những kết quả đạt được

Thứ nhất, nền nông nghiệp từng bước được xây dựng theo hướng hiện đại, phát triển mạnh công nghiệp, dịch vụ ở nông thôn. Trong những năm qua, nền nông nghiệp nước ta phát triển theo hướng đẩy mạnh sản xuất hàng hóa với năng suất, chất lượng ngày càng cao. Trong giai đoạn 2009 - 2013, giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản tăng bình quân

2,9%/năm (trong đó, nông nghiệp tăng 2,5%/năm, lâm nghiệp 5% và thủy sản tăng 4%/năm); kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân 15,2%⁽¹⁾.

Cơ cấu kinh tế nông thôn đã có chuyển biến tích cực, đến tháng 9-2013, công nghiệp và dịch vụ chiếm 61% cơ cấu kinh tế nông thôn (tăng 2% so với năm 2008). Giai đoạn 2008 - 2012, số lượng các cơ sở công nghiệp nông thôn tăng bình quân 8,64%/năm; giá trị sản xuất tăng 11,15%/năm. Đến năm 2013 cả nước có 872 cụm công nghiệp, 4.575 làng nghề, thu hút khoảng 12 triệu lao động.

Thứ hai, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn ở nhiều vùng miền được đầu tư, phát triển. Xây dựng nông thôn mới đã trở



Dồn điền đổi thửa, chỉnh trang lại đồng ruộng khâu đột phá trong xây dựng nông thôn mới

thành phong trào mạnh mẽ trên cả nước, góp phần thay lam đổi diện mạo nông thôn, cải thiện đời sống của cư dân trên địa bàn. Tính đến tháng 9-2013, bình quân một xã đạt 7,78 tiêu chí nông thôn mới (tăng so với 4,58 tiêu chí của tháng 12-2011). Đã có 67 xã trên toàn quốc đạt 19/19 tiêu chí.

Kết cấu hạ tầng kinh tế nông thôn tiếp tục được nâng cấp và hoàn thiện: Năng lực tưới tiêu của hệ thống thủy lợi tăng 70 nghìn ha so với năm 2008, mở mới 15.185km, nâng cấp 74.329km đường giao thông nông thôn. Hệ thống cơ sở giáo dục từng bước được chuẩn hóa, đã cải tạo, xây mới 25.794 phòng học cho trường mầm non; 39.480 phòng học tiểu học; 21.899 phòng học trung học cơ sở. Trẻ em đi nhà trẻ tăng 15,8% so với 2008; trẻ em đi mẫu giáo tăng 11,4%. Về y tế, đã có 645 bệnh viện/trung tâm y tế cấp huyện phòng khám đa khoa khu vực được đầu tư xây mới, đầu tư nâng cấp; hơn 99,51% số xã có trạm y tế (trong

đó khoảng 45% xã đạt chuẩn quốc gia về y tế cơ sở). Số trạm y tế có bác sĩ là 72%. Đến hết năm 2012, cả nước có 44,8% số xã có trung tâm văn hóa - thể thao; 62,7% số thôn có nhà văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng (tăng 18% so với năm 2008).

Thứ ba, đời sống vật chất, tinh thần cư dân nông thôn được cải thiện và nâng lên. Về đời sống vật chất, thu nhập của đại bộ phận cư dân nông thôn đã được cải thiện, năm 2008 là 9,2 triệu đồng, đến hết năm 2013 ước đạt 19,97 triệu đồng. Loại trừ yếu tố trượt giá, thu nhập của người dân nông thôn năm 2013 tăng 36% so với năm 2008 tăng 6,4%/năm.

Tỷ lệ hộ nghèo ở nông thôn giảm. Tính đến tháng 9-2013, tỷ lệ hộ nghèo còn khoảng 12,6% (năm 2010 là 17,4%), giảm bình quân 2%/năm. Tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn 62 huyện nghèo (theo Nghị quyết 30a) đã giảm từ 58,33% (năm 2010) xuống 43,98% (năm 2012), giảm bình quân trên 7%/năm. Các địa

phương đã hoàn thành hỗ trợ nhà ở cho 530.294 hộ, đạt 107% so với kế hoạch ban đầu và 99,9% so với số hộ cần hỗ trợ.

Trong 4 năm từ 2009 đến 6-2013, cả nước đã giải quyết việc làm cho gần 5 triệu lao động nông thôn. Tỷ trọng lao động trong khu vực nông, lâm, ngư nghiệp giảm từ 51,5% năm 2009 xuống còn 47,1% năm 2013.

Việc thực hiện chính sách an sinh xã hội ở nông thôn đã được cải thiện. Đến năm 2013 có trên 2,5 triệu đối tượng được hưởng trợ cấp xã hội thường xuyên tại cộng đồng (tăng 250 nghìn người so với năm 2009). Số người tham gia bảo hiểm xã hội là 10,3 triệu (tăng 24,1% so với 2008); 59,3 triệu người tham gia bảo hiểm y tế, chiếm 66,8% dân số cả nước (tăng 6,9 triệu người so với 2010). Bảo hiểm nông nghiệp được thực hiện thí điểm tại 20 tỉnh, thành phố với 370 nghìn hộ tham gia. Tổng giá trị tài sản được bảo hiểm là 6.400 tỷ đồng.

Trong 5 năm thực hiện Nghị quyết 26, đời sống văn hóa, tinh thần ở nông thôn có những chuyển biến tích cực. Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao nông thôn đã được đa dạng hóa, đẩy mạnh cả về quy mô, số lượng, chất lượng. Bình quân mỗi năm có 40,8 triệu lượt người tham gia các hoạt động văn hóa, thể dục thể thao (gần 60% dân số). Năm 2013, có 47% số làng, bản, ấp văn hóa đạt chuẩn cơ sở vật chất, hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn mới. Phong trào xây dựng gia đình văn hóa đã thu hút hơn 90% số hộ nông thôn tham gia.

Thứ tư, đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn tăng; xuất hiện ngày càng nhiều hình thức tổ chức sản xuất, dịch vụ có hiệu quả. Ngân sách nhà nước đã tăng mạnh đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn. Tỷ lệ chi cho nông nghiệp, nông thôn trong tổng chi ngân sách nhà nước tăng từ 32,8% năm 2008 lên 41,3% năm 2013. Tổng số vốn đầu tư cho nông nghiệp, nông

thôn các năm 2009 - 2013 đạt 520.441 tỷ đồng, chiếm 51,67% tổng vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách và trái phiếu chính phủ (tăng 2,62 lần so với 5 năm trước). Trong đó, 194.926 tỷ đồng cho phát triển sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp. Tín dụng cho nông nghiệp, nông thôn luôn tăng cao hơn so với tốc độ tăng tín dụng chung cho nền kinh tế (bình quân đạt 21%/năm). Chính phủ đã ban hành Nghị định 61/NĐ-CP nhằm khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn. Vốn ODA đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trong 5 năm đạt 1,568 tỷ USD.

Kinh tế hộ tiếp tục có bước phát triển. Hình thành nhiều trang trại sản xuất hàng hóa với quy mô lớn, hiệu quả cao. Đến hết năm 2012, theo tiêu chí mới, cả nước có hơn 20.028 trang trại. Kinh tế tập thể phát triển theo hướng tích cực, trên toàn quốc hiện có 6.032 hợp tác xã, trong đó 74% hoạt động có lãi; 114 nghìn tổ hợp tác trong lĩnh vực nông nghiệp; thành lập mới 3.700 hợp tác xã sản xuất trên biển của ngư dân. Các tổ hợp tác đã hỗ trợ nông dân, ngư dân giúp nhau làm ăn có hiệu quả. Mô hình cánh đồng mẫu lớn được nhân rộng đến 43 tỉnh, thành phố với diện tích trên 100 nghìn ha trồng lúa.

Thứ năm, hệ thống chính trị ở nông thôn được củng cố, hoàn thiện thêm một bước. Nhiều tổ chức cơ sở đảng ở nông thôn đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, nâng cao vai trò hạt nhân trong lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ chính trị ở cơ sở. Trong tổng số 9.043 đảng, chi bộ cấp xã, có 5.061 (56%) đạt danh hiệu trong sạch vững mạnh; 2.951 (32,6%) xã đạt danh hiệu hoàn thành tốt nhiệm vụ; 964 (10,7%) xã đạt hoàn thành nhiệm vụ; chỉ có 74 đơn vị (0,7%) xếp loại yếu kém. Đội ngũ cán bộ cấp xã từng bước được chuẩn hóa, trình độ học vấn, chuyên môn

ng nghiệp vụ được nâng lên: 95,5% cán bộ có trình độ từ trung cấp trở lên; số cán bộ chủ chốt có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên là 32,4%⁽²⁾. Nhiều tổ chức chính trị - xã hội ở nông thôn phát huy vai trò tích cực trong xây dựng nông thôn mới, nhất là Hội Nông dân. Đến hết năm 2013, tổ chức Hội Nông dân đã phát triển đến khắp các thôn, bản, ấp với 93.727 chi hội trực thuộc 10.545 cơ sở hội. Tổ chức hội đã phát động nông dân hăng hái tham gia xây dựng nông thôn mới, xây dựng gia đình, làng xã văn hóa...

2. Một số vấn đề đặt ra

Một là, một bộ phận cán bộ và người dân nông thôn chưa nhận thức đúng về mục tiêu, nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới. Một bộ phận cán bộ, nhất là ở cấp cơ sở đang có nhận thức, xây dựng nông thôn mới là những thứ rất “to tát” như: mở rộng đường sá, xây cầu cống, hạ tầng kinh tế xã hội... từ đó, thường có tâm lý trông chờ, ỷ lại Nhà nước. Một số địa phương có hiện tượng cán bộ mắc “bệnh thành tích” trong xây dựng nông thôn mới, chạy theo việc “đạt bao nhiêu tiêu chí” để lấy thành tích, để thi đua chứ chưa phải quan tâm thực chất đời sống nông dân được nâng cao như thế nào. Bên cạnh đó, nhận thức của một bộ phận người dân về xây dựng nông thôn mới còn hạn chế, họ hiểu đơn giản đó là quá trình xây dựng cơ sở vật chất, kết cấu hạ tầng như đường sá, trụ sở, trường học... mà việc đó là của cán bộ, chính quyền chứ không phải việc của người dân. Bộ phận khác tính toán, xây dựng nông thôn mới phải đem lại cái lợi, nhất là cái lợi trước mắt họ mới nhiệt tình tham gia. Trong khi đó, xây dựng nông thôn mới không phải cái gì cũng có lợi trực tiếp, trước mắt.

Hai là, việc huy động các nguồn lực cho phát triển nông nghiệp, nông thôn chưa đạt yêu cầu, nhất là huy động đầu tư từ các nguồn

ngoài ngân sách. Đầu tư xã hội cho nông nghiệp, nông thôn giảm cả về tỷ trọng và giá trị thực (năm 2008 là 6,4%, năm 2012 là 5,2%). Mức đầu tư này chỉ đáp ứng 65 - 70% so với yêu cầu đầu tư để tăng trưởng 3,5 - 4% năm. Cơ cấu đầu tư ngân sách chậm được điều chỉnh, giá trị thực đầu tư trực tiếp phục vụ phát triển nông nghiệp giảm dần sau năm 2009. Trong hai năm gần đây, tín dụng cho nông nghiệp, nông thôn tăng chậm lại, nếu loại trừ yếu tố lạm phát thì hầu như không tăng. Đầu tư của tư nhân trong nước vào nông thôn thấp. Tỷ lệ doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất nông nghiệp giảm từ 1,48% (giai đoạn 2004 - 2008) xuống còn 0,98% (2009 - 2013). Đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực nông nghiệp tăng không đáng kể, giai đoạn 2009 - 2013, tỷ lệ số dự án và vốn đầu tư tăng khoảng 0,55% so với 5 năm trước đó.

Địa bàn nông thôn nước ta rộng, cơ sở vật chất - kỹ thuật còn yếu kém. Việc xây dựng nông thôn mới đòi hỏi nguồn đầu tư rất lớn, nguồn lực từ ngân sách có hạn, không đáp ứng được yêu cầu. Điều đó đòi hỏi tất yếu phải huy động từ các thành phần kinh tế. Nhưng, đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn thu hồi vốn chậm, lợi nhuận thấp, rủi ro cao. Do vậy, các thành phần kinh tế ngoài nhà nước không thật sự quan tâm. Muốn đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới, vấn đề đặt ra là phải huy động đa dạng các nguồn lực, từ mọi thành phần kinh tế vào nông nghiệp, nông thôn.

Ba là, hệ thống chính trị nông thôn bộc lộ một số yếu kém, bất cập. Thực tế hiện nay, phần lớn cán bộ, công chức cấp xã trưởng thành từ thực tiễn, ít được đào tạo cơ bản nên năng lực công tác, khả năng nhận thức và tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật còn hạn chế. Chế độ đào tạo, bồi dưỡng chưa thực sự khoa học dẫn đến năng lực thực thi nhiệm vụ

không cao. Chế độ, chính sách đãi ngộ với cán bộ cơ sở ở cơ sở nông thôn thấp trong khi công việc ở cơ sở nông thôn được nhân cấp nhiều. Một số chức danh công chức cấp xã làm việc không kể thời gian, giờ giấc (như công an, quân sự). Đội ngũ những người hưởng lương và phụ cấp ở cơ sở quá lớn, từ đó dẫn đến cái vòng luẩn quẩn giữa khối lượng công việc - tăng lương - biên chế cán bộ. Tại một số địa phương, việc thực thi chính sách, pháp luật còn gây ra mâu thuẫn, bất đồng gay gắt giữa chính quyền và một bộ phận nhân dân; tình trạng bè phái, cục bộ đã xuất hiện trong hệ thống chính quyền cơ sở... đây là những lực cản cho quá trình xây dựng nông thôn mới.

3. Một số kiến nghị, giải pháp

Thứ nhất, nâng cao, tạo sự thống nhất về nhận thức trong toàn hệ thống chính trị về mục tiêu, nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới. Xây dựng nông thôn mới phải được xem là công việc của cả hệ thống chính trị và toàn dân. Chỉ khi nào từ cán bộ đến người dân đều nhận thức được việc xây dựng nông thôn mới là việc của chính bản thân mình, nhà mình, địa phương mình và có lợi cho mình, khi đó thực hiện mới có hiệu quả. Điều này có nghĩa, xây dựng nông thôn mới phải được nhận thức, thúc đẩy từ bên trong cộng đồng chứ không phải từ bên ngoài đưa vào, từ bên trên đưa xuống. Không phải ngẫu nhiên, trong quá trình xây dựng nông thôn mới từ hơn 40 năm trước đây, Hàn Quốc đã rút ra một bài học rất quan trọng: “*Saemaul Undong* (xây dựng nông thôn mới - tác giả) là một phong trào cải cách tinh thần”⁽³⁾. Do vậy, trước hết, chúng ta phải tập trung nâng cao hiệu quả công tác thông tin, tuyên truyền, tạo ra nhận thức đúng, sự đồng thuận trong xã hội về xây dựng nông thôn mới.

Thứ hai, đa dạng hóa các nguồn lực đầu tư cho nông thôn. Để tiếp tục đẩy mạnh quá trình xây dựng nông thôn mới với mục tiêu đến năm 2015 có 20%, năm 2020 có 50% số xã đạt tiêu chí nông thôn mới, theo chúng tôi, yếu tố có tính chất quyết định là phải có chính sách huy động, thu hút đa dạng các nguồn lực (nhất là nguồn lực tài chính) cho xây dựng nông thôn mới. Để làm được việc đó, các cơ quan hữu quan cần: Một, điều chỉnh cơ chế, chính sách, khuyến khích mạnh mẽ sự tham gia đầu tư của các thành phần kinh tế vào phát triển nông nghiệp, nông thôn, nhất là các chính sách về thuế, đất đai, coi đây là yếu tố quan trọng hàng đầu để thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn; Hai, tăng đầu tư ngân sách cho phát triển nông nghiệp, nông thôn; Ba, thực hiện phân cấp và lồng ghép các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình hỗ trợ mục tiêu trên địa bàn thông qua phân cấp, giao quyền cho địa phương; Bốn, đa dạng hóa các nguồn cung cấp tín dụng, đổi mới cơ chế, thủ tục để tăng khả năng tiếp cận tín dụng cho nông dân và các đối tác kinh tế đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Năm, tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách để bảo vệ quỹ đất nông nghiệp, nhất là đất lúa, hạn chế sử dụng các vùng đất tốt cho các mục đích phi nông nghiệp.

Phát triển sản xuất phải được coi là nền tảng của xây dựng nông thôn mới. Sản xuất vật chất phát triển là tiền đề kéo theo sự phát triển đời sống văn hóa, tinh thần; đồng thời, cũng là động lực để thu hút các doanh nghiệp tiếp tục đầu tư phát triển sản xuất - kinh doanh ở nông thôn.

Thứ ba, đổi mới, kiện toàn hệ thống chính trị nông thôn đáp ứng yêu cầu xây dựng nông thôn mới. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ ra rằng: “Cấp xã là gần gũi nhân dân nhất, là nền tảng của hành chính. Cấp xã làm được việc thì

mọi công việc đều xong xuôi”⁽⁴⁾. Như vậy, nâng cao năng lực của hệ thống chính trị cơ sở góp phần quan trọng vào sự thành công của xây dựng nông thôn mới. Trong thời gian tới, cần tập trung: hoàn thiện hệ thống các quy định pháp luật về tổ chức, vận hành hệ thống chính trị nông thôn theo Hiến pháp 2013, trong đó đặc biệt chú trọng nâng cao vai trò của Hội đồng nhân dân cấp xã; đổi mới cơ chế chính sách đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, đãi ngộ với cán bộ cơ sở⁽⁵⁾; tinh giản bộ máy chính quyền nông thôn theo hướng chuyển một số tổ chức chính trị - xã hội thành các tổ chức xã hội tự nguyện, nhất thể hóa một số chức danh, như Bí thư Đảng ủy với Chủ tịch Hội đồng nhân dân, kiện toàn các tổ chức tự quản cộng đồng ở thôn, xóm, bản...

Xây dựng nông thôn mới gắn với các phong trào nhưng bản thân nó không phải là một phong trào, mà phải là một cuộc cách mạng cả trong nhận thức và hoạt động thực tiễn. Do vậy, đòi hỏi toàn hệ thống chính trị, các tầng lớp nhân dân nâng cao nhận thức, đồng bộ thực hiện các giải pháp về cơ chế, chính sách, huy động tối đa các nguồn lực từ mọi thành phần kinh tế nhằm góp phần xây dựng nông thôn Việt Nam ngày càng giàu đẹp, văn minh □

(1) Số liệu trong bài được dẫn theo: *Báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn* của Ban chỉ đạo sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X, Hà Nội, ngày 25-12-2013.

(2) Tổng cục Thống kê, *Kết quả tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản 2011*, www.gso.gov.vn

(3) KOICA, *Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế xây dựng nông thôn mới*, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, 21-10-2013.

(4) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.371

(5) *Về tuyển dụng*: đối với các chức danh công chức xã nhất thiết phải đảm bảo các yêu cầu và qua thi tuyển theo luật. Đối với cán bộ bầu cử, có phương thức bầu cử để lựa chọn người có năng lực, phẩm chất tốt nhất. Cán bộ bán chuyên trách và những người tham gia công tác xã hội khác, lựa chọn chủ yếu thông qua sự tín nhiệm của các tổ chức, qua thực tế hiệu quả công việc. Về đào tạo, bồi dưỡng: kết hợp nhuần nhuyễn nguyên tắc “phát hiện cán bộ có năng lực để đưa đi đào tạo, bồi dưỡng và thông qua đào tạo, bồi dưỡng để phát hiện cán bộ có năng lực”. Cần xây dựng chương trình đào tạo trung cấp chính trị chung chung như hiện nay. Cần thiết phải đào tạo, bồi dưỡng các chức danh chuyên môn cho cán bộ ở nông thôn tùy theo điều kiện kinh tế - xã hội từng địa phương như: cán bộ thú y, cán bộ thương nghiệp, nông nghiệp... Tiếp tục thực hiện luân chuyển cán bộ cấp tỉnh, cấp huyện về công tác tại các địa bàn nông thôn, nhất là vùng khó khăn, thông qua đó, vừa đào tạo bồi dưỡng cán bộ, vừa truyền đạt kinh nghiệm cho cán bộ cơ sở. Xây dựng quy chế quy định cụ thể đi thực tế cơ sở tại địa bàn nông thôn là điều kiện bắt buộc khi đề cử, ứng cử hay bổ nhiệm vào các chức danh chủ chốt từ cấp huyện trở lên. Về sử dụng và đãi ngộ: đối với cán bộ công chức áp dụng theo Pháp lệnh cán bộ công chức, đối với các chức danh khác, nâng cao mức đãi ngộ cho cán bộ cơ sở theo nguyên tắc tối thiểu bảo đảm mức sống trung bình ở khu vực. Trong điều kiện hiện nay, việc thực hiện khoán chi, khoán biên chế là phù hợp. Đồng thời với các chính sách đãi ngộ thỏa đáng, có các cơ chế để sàng lọc, kịp thời loại khỏi bộ máy những cán bộ không đủ năng lực và phẩm chất.